

DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ LÀ DẠY MỘT VĂN HÓA NHỮNG SUY NGẪM TỪ THỰC TẾ GIẢNG DẠY

TEACHING VIETNAMESE LANGUAGE AS CULTURE - CASE STUDIES OF EXAMINING VIETNAMESE LANGUAGE CLASSROOMS

Nguyễn Thị Mai Quyên¹

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, mỗi quốc gia đều tự đặt ra cho mình những chính sách cùng những mục tiêu cụ thể. Trung Quốc hiện là một quốc gia lớn; trong lịch sử cũng như trong hiện tại, quốc gia này không ngừng có tham vọng mở rộng ảnh hưởng trên thế giới. Với mục đích đó, những năm trở lại đây chính phủ Trung Quốc thực hiện một đại chính sách mang tên “Một vành đai, một con đường”. Trong nội dung của chính sách này Trung Quốc sẽ tiến hành hợp tác, kết nối toàn diện với rất nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Quá trình hợp tác này mang đến cho những quốc gia liên quan những ảnh hưởng vô cùng sâu rộng trên mọi lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hóa, xã hội...

Mặc dù những ảnh hưởng nói trên không thể ngay lập tức làm thay đổi cơ cấu, diện mạo văn hóa của bất cứ quốc gia nào, nhưng một khi buộc phải sống bên cạnh vị hàng xóm khổng lồ đồng thời xác định một quá trình hợp tác toàn diện, lâu dài thì làm thế nào để tạo ra một sức đề kháng đủ mạnh giúp cho nền văn hóa giữ được tính độc lập là điều đáng suy nghĩ.

Vấn đề này, tất nhiên bản thân nó không phải là câu chuyện của một cá nhân mà là câu chuyện của cả dân tộc, cả cộng đồng văn hóa, tuy thế những suy nghĩ và hành động tích cực của từng cá nhân trong cộng đồng cũng là điều hết sức cần thiết. Xuất phát từ suy nghĩ này, người viết, trong vai trò là người tham gia công tác giáo dục, đồng thời nằm trong nhóm đối tượng mà chính phủ Trung Quốc mời hợp tác giảng dạy bằng nguồn kinh phí đầu tư cho chiến lược, luôn có ý thức trong việc xác định vai trò của cá nhân là một trung gian văn hóa.

Nghiên cứu này là những nhận xét ban đầu dựa trên sự quan sát thực tế của bản thân người viết diễn ra liên tục trong quá trình giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2014 và đặc biệt là ở tỉnh Vân Nam - Trung Quốc từ năm 2017 đến nay. Mặc dù vậy, trong điều kiện thời gian, dung lượng và định hướng của tham luận, chúng tôi chủ yếu tập trung phân tích vấn đề dựa trên bối cảnh và số liệu thu thập được từ quá trình giảng dạy tiếng Việt ở một số trường đại học, cao đẳng có đào tạo chuyên ngành tiếng Việt tại tỉnh Vân Nam - Trung Quốc.

1. Bối cảnh văn hóa, xã hội, giáo dục tỉnh Vân Nam

Tỉnh Vân Nam là một tỉnh thuộc khu vực Tây Nam Trung Quốc có đường biên giới chung với nhiều tỉnh của Việt Nam, cũng là một trong những tỉnh có vai trò quan trọng

¹ Thạc sĩ. Viện Văn học – Giảng viên thỉnh giảng trường Đại học Dân tộc Vân Nam (năm học 2018- 2019)

trong chiến lược “Một vành đai, một con đường” của chính phủ Trung Quốc. Ngày 28 tháng 3 năm 2015, Bộ Ngoại giao và Bộ Thương mại Trung Quốc được Hội đồng Nhà nước, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia ủy quyền đã ban hành chỉ thị với nội dung “Thúc đẩy xây dựng vành đai kinh tế Con đường tơ lụa cùng Tầm nhìn và hành động của con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI”. Nội dung của văn bản này chỉ ra rõ rằng Vân Nam là một vị trí chiến lược rất quan trọng trong việc xây dựng “Vành đai - con đường”, bởi vậy cần phát huy triệt để lợi thế về vị trí, tích cực thúc đẩy giao lưu quốc tế với các nước láng giềng. Hai tác giả Hòa Cảnh và Trương Hiểu Hà trong bài viết “*Vân Nam với xây dựng “Một vành đai, một con đường”*” đã chỉ ra “Một vành đai, một con đường” là sự bố trí chiến lược đối ngoại mở cửa quan trọng của Trung Quốc dưới hình thức mới. Trong đó Đông nam Á và Nam Á là khu vực quan trọng trong quá trình xây dựng chiến lược. Trọng điểm của chiến lược xây dựng “Một vành đai, một con đường” là thúc đẩy liên thông qua lại giữa Trung Quốc và các quốc gia nằm trong định hướng “vành đai”. Bài viết cũng đồng thời chỉ ra chỗ đứng, vai trò quan trọng của tỉnh Vân Nam trong việc xây dựng chiến lược này².

Để đáp ứng được yêu cầu đó, một trong những chính sách cụ thể mà chính phủ Trung Quốc chỉ đạo là đầu tư giáo dục và mở rộng “quyền lực mềm”. Các tác giả Châu Cốc Bình, Khám Duyệt trong bài viết “*Trụ cột nhân tài của “Một vành đai, một con đường” và lộ trình giáo dục*” đã chỉ ra việc xây dựng vành đai kinh tế con đường tơ lụa và con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI thể hiện chính phủ và bộ ngoại giao Trung Quốc đã nhận thấy rõ xu thế biến đổi sâu sắc của toàn thế giới, đưa ra những trù tính toàn cục cả tình hình trong và ngoài nước đồng thời đề xuất những quyết sách chiến lược quan trọng; Chiến lược “Một vành đai, một con đường” đề cập tới các vấn đề “quyền lực cứng” với các chính sách như xây dựng công trình cơ bản, đầu tư thương mại, hợp tác sản xuất công nghiệp... và cũng đề cập tới vấn đề quyền lực mềm trong chính sách, văn hóa, nhân tài... và khẳng định dù là trong phương diện nào thì quyền lực mềm vẫn phát huy lợi thế hơn hẳn quyền lực cứng. Nội dung của chính sách cũng khẳng định trong việc xây dựng “Một vành đai, một con đường”, “nhân tài là yếu tố đòn bẩy và then chốt”. Thực hiện mục tiêu và tầm nhìn của “Một vành đai, một con đường” gắn liền với sự chèo chống và vai trò trụ cột của những nhân tài như nhân tài trong lĩnh vực sáng tạo và kinh doanh, nhân tài tổ chức quốc tế, nhân tài tinh thông ngôn ngữ, nhân tài Hoa Kiều ... trước những yêu cầu và thách thức, giáo dục - đặc biệt là giáo dục đại học phải căn cứ vào yêu cầu chiến lược, lấy ‘nội sinh’ và ‘ngoại lực’ làm đường hướng, đổi mới quan niệm, hoàn thiện chế độ, tối ưu hóa thực hành sáng tạo, thực sự gánh vác được sứ mệnh quan trọng bồi dưỡng nhân tài³.

Để thực hiện các chỉ đạo mang tính chiến lược này, trong vòng 5 năm trở lại đây, tại Vân Nam, các chuyên ngành trực tiếp giảng dạy ngôn ngữ Đông Nam Á ở các trường đại học được xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô đào tạo. Đơn cử như tại trường Đại học Vân

² 和颖, 张晓霞, 云南融入“一带一路”建设研究, 基金项目:昆明理工大学“唯物史观理论创新团队”创新团队, 2016年1月

³ 周谷平, 阚阅.“一带一路”战略的人才支撑与教育路径教育研究, 2015(10)

Nam, một trong những trường có lịch sử lâu đời nhất tại tỉnh Vân Nam và cũng là một trong những cơ sở đào tạo có uy tín nhất ở tỉnh này, việc giảng dạy các ngôn ngữ như tiếng Việt, tiếng Thái Lan, tiếng Mianma,... đang ngày càng được đẩy mạnh. Nhiều chuyên ngành như tiếng Thái Lan, tiếng Mianma,... trước đây chỉ đào tạo trình độ đại học nhưng 2 năm trở lại đây đã bắt đầu đào tạo trình độ Thạc sĩ. Với chuyên ngành tiếng Việt, trong lịch sử trường Đại học Vân Nam là cơ sở đầu tiên mở chuyên ngành này vào năm 1982, tuy nhiên trong thời gian quan hệ hai nước có nhiều căng thẳng, việc giảng dạy đã bị gián đoạn. Cho tới năm 2014, chuyên ngành tiếng Việt được giảng dạy trở lại và nhanh chóng trở thành một trong những chuyên ngành trọng điểm của khoa ngoại ngữ. Các sinh viên chuyên ngành tiếng Việt được học tập theo mô hình “2+1+1”, theo đó sinh viên có 2 năm đầu học tập tại trường, năm thứ 3 học tại Việt Nam và năm cuối cùng quay trở lại trường học. Mô hình này không chỉ có ở Đại học Vân Nam mà được áp dụng ở hầu khắp các cơ sở đào tạo tiếng Việt (và các ngôn ngữ Đông Nam Á khác) như trường Đại học Dân tộc Vân Nam, Đại học Sư phạm Vân Nam, Đại học Nông nghiệp Vân Nam, Đại học Tài chính Vân Nam, Đại học Điền Trì,... Hằng năm, mỗi trường đại học (chưa kể cao đẳng) tuyển sinh từ một đến hai lớp; số lượng sinh viên tương ứng từ 22 đến 50 người. Con số này được bảo lưu khoảng 90% khi tốt nghiệp. Như vậy, nếu chỉ tính con số 6 trường đại học có đào tạo tiếng Việt trên địa bàn thành phố Côn Minh thì mỗi năm có khoảng 120 sinh viên chuyên ngành tiếng Việt ra trường, và nếu đem con số này nhân với số khóa đào tạo sẽ thấy số lượng người học - biết tiếng Việt trên địa bàn một tỉnh đã là một con số không nhỏ.

Những con người cụ thể được đào tạo dưới sự chỉ đạo của những chính sách cụ thể này chính là một trong những “công cụ chiến lược” mà người sáng lập chính sách đã đề cập và nhấn mạnh một cách trực tiếp. Vậy làm sao để tác động đến những đối tượng này, đem đến cho họ những nhận thức đầy đủ và tích cực về Việt Nam là câu hỏi cần phải trả lời.

2. Các nội dung giảng dạy cụ thể

Trong bối cảnh số lượng người Trung Quốc học tiếng Việt ngày càng tăng, mục đích học tập ngày càng đa dạng, việc xác định cụ thể mục tiêu giảng dạy đi từ chỗ giới thiệu, định hướng đến khơi gợi những tìm tòi, khám phá về văn hóa Việt Nam từ đó giới thiệu đến người học một hình ảnh toàn diện, mô tả được cả bề rộng và bề sâu của văn hóa Việt Nam là điều hết sức cần thiết. Muốn làm được điều đó, trước hết cần nhìn lại những gì đang được trực tiếp giảng dạy hiện nay.

Với các sinh viên/học viên học tiếng Việt trên địa bàn tỉnh Vân Nam, giáo trình và tài liệu học tập bao gồm hai loại. Loại thứ nhất - cũng là đối tượng quan tâm chính của chúng tôi - là các giáo trình được xuất bản bởi các nhà xuất bản ở Trung Quốc. Loại thứ hai, chiếm số lượng ít hơn, là những giáo trình hoặc tài liệu học tập xuất bản tại Việt Nam do các giáo viên thỉnh giảng từ Việt Nam đem đến. Do loại tài liệu thứ hai này chiếm số lượng rất ít và không được sử dụng rộng rãi nên trong Phụ lục 1 chúng tôi chỉ liệt kê tất cả các tài liệu, giáo trình giảng dạy tiếng Việt được sử dụng chính thức cũng như được đề xuất tham khảo

trong các trường cao đẳng - đại học ở Trung Quốc nói chung và ở Vân Nam nói riêng. Trong đó, theo điều tra thực tế của chúng tôi, các trường đại học - cao đẳng và các cơ sở đào tạo ngoại ngữ ngoài trường ở Vân Nam sử dụng chủ yếu là 7 tài liệu được liệt kê ở đầu phụ lục. Các tài liệu này phục vụ cho 4 nội dung dạy học cơ bản là cung cấp kiến thức nền về Tiếng Việt (các bộ Tiếng Việt cơ sở), phục vụ các nhu cầu thực dụng (du lịch, mua sắm,...), rèn luyện khả năng nghe - nhìn và rèn luyện khả năng phiên dịch. Trong các tài liệu và giáo trình trên, hầu hết các trường đại học đều chọn tài liệu cơ sở là một trong ba bộ sách Giáo trình Tiếng Việt, Tiếng Việt cơ sở và Tiếng Việt hiện đại⁴. Các bộ sách này đều gồm 4 tập, mỗi tập gồm 16 - 17 bài, được sử dụng để giảng dạy trong một học kỳ và sẽ kết thúc sau khi sinh viên học xong năm thứ 2. Chúng được coi là giáo trình cơ sở bởi nội dung cung cấp tương đối hoàn thiện tri thức về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt đến hết trình độ trung cấp. Sau khi lĩnh hội đầy đủ các nội dung này, sinh viên sẽ tiếp tục có thời gian 2 năm học Tiếng Việt cao cấp bao gồm 1 năm học tại Việt Nam (năm thứ 3) và năm cuối cùng quay trở lại học tập ở Trung Quốc.

Thử nhìn vào nội dung giảng dạy của ba bộ giáo trình Tiếng Việt cơ sở hiện đang được sử dụng ở các trường đại học trên địa bàn tỉnh Vân Nam có thể thấy các bài học trong giáo trình đều được xây dựng theo cách cung cấp các bài đọc (xem Phụ lục 2) và trên cơ sở đó đưa ra các nội dung ngữ pháp liên quan. Tại tất cả các trường đào tạo chính quy, trong học kỳ đầu tiên, sinh viên sử dụng giáo trình cơ sở tập 1 tương ứng với bộ sách được lựa chọn. Thời gian này họ chủ yếu được học các kiến thức về ngữ âm tiếng Việt. Sau khi kết thúc nội dung dạy phát âm, 1/3 số lượng bài học còn lại của cuốn sách Tiếng Việt cơ sở (tập 1) cung cấp các bài đọc hoặc nội dung hội thoại, trên cơ sở đó cung cấp các ngữ pháp đơn giản. Từ học kỳ thứ 2 đến học kỳ thứ 4, người học được cung cấp các kiến thức ngữ pháp và bài đọc có độ dài và độ khó tăng dần.

Ở đây, vấn đề chúng tôi quan tâm là thông qua các nội dung bài học, người học đã được cung cấp những tri thức gì về văn hóa Việt Nam. Quá trình khảo sát kỹ lưỡng nội dung ba bộ giáo trình Tiếng Việt cơ sở có thể thấy nội dung của chúng có nhiều điểm khác biệt. Trong Phụ lục 2, chúng tôi tạm xếp tên các bài đọc vào một số nhóm nội dung để tiện cho việc quan sát. Với các chủ đề như: giới thiệu chung về đất nước Việt Nam, địa lý Việt Nam, phong tục - hội hè - lễ tết, địa danh và nét đẹp văn hóa, ẩm thực, văn học - nghệ thuật, danh nhân, trang phục, mỗi giáo trình có hàm lượng phân bổ bài học khác nhau. Chẳng hạn với chủ đề giới thiệu chung về đất nước Việt Nam, giáo trình *Tiếng Việt hiện đại* dành nhiều dung lượng nhất, các bài học cũng trải đều trong nội dung các tập sách từ tập 2 đến, tập 4. Khác với nó, có thể thấy bộ *Tiếng Việt cơ sở* lại chú trọng giới thiệu các tác phẩm văn học Việt Nam. Các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học trung đại, hiện đại, đương đại được bố trí dày đặc. Trong số ba giáo trình tiếng Việt trình độ cơ sở, *Giáo trình Tiếng Việt* của Đại học Bắc Kinh là bộ ra đời sớm nhất và được sử dụng ở nhiều cơ sở đào tạo nhất. Tuy vậy, trong nội dung của bộ sách này, các bài đọc liên quan trực tiếp đến Việt Nam

⁴ xem các bộ sách 1, 2, 3 - phụ lục 1

tương đối ít so với hai bộ giáo trình còn lại (chỉ chiếm khoảng 50%, trong khi các tài liệu khác chiếm khoảng 90%). Phần nửa trong số nội dung bài kiến thức của bộ sách này là những bài đọc được viết bằng tiếng Việt nhưng mang nội dung đề cập chung đến những vấn đề xuất hiện trên thế giới hoặc xuất hiện ở nhiều quốc gia chứ không riêng Việt Nam.

Do việc lựa chọn tài liệu học tập không giống nhau nên việc nắm bắt các vấn đề liên quan đến Việt Nam của sinh viên các trường cũng khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sinh viên chuyên ngành tiếng Việt ở năm trường đại học lớn trên địa bàn tỉnh Vân Nam là Đại học Dân tộc Vân Nam, Đại học Sư phạm Vân Nam, Đại học Vân Nam, Đại học Nông nghiệp Vân Nam, Đại học Tài chính Vân Nam. Thời điểm hiện tại, mỗi trường đều chỉ tuyển sinh mỗi khóa một lớp, số lượng giao động từ 20 đến 22 sinh viên. Đối tượng phỏng vấn là 113 sinh viên đang học năm thứ 2 tại các cơ sở đào tạo nói trên. Các sinh viên được phỏng vấn đã học gần hết tập 4 của các giáo trình Tiếng Việt cơ sở và được mời tham gia trả lời phiếu điều tra theo mẫu trong phụ lục 3. Các câu hỏi phát cho sinh viên có phần tiếng Việt và phần dịch sang tiếng Hán, khi trả lời sinh viên cũng có thể viết bằng tiếng Hán hoặc tiếng Việt đối với nội dung câu hỏi mở, tuy nhiên do dung lượng của nghiên cứu, trong phụ lục này chúng tôi chỉ dẫn bản tiếng Việt của phiếu điều tra. Nội dung của các câu hỏi trong phiếu điều tra liên quan đến các tri thức về tự nhiên và văn hóa Việt Nam. Sở dĩ trong nội dung phiếu điều tra, một số tri thức tự nhiên cũng được đề cập đến bởi chúng đều có liên quan mật thiết, ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa Việt Nam. Ngoài ra, do điều kiện thời gian tiến hành nghiên cứu rất hạn chế nên nội dung các câu hỏi điều tra cũng chỉ giới hạn trong 20 nội dung. Dưới đây là nội dung tổng kết và phân tích kết quả điều tra

Phiếu điều tra bao gồm hai phần, phần thứ nhất yêu cầu sinh viên thể hiện hiểu biết thông qua việc lựa chọn đáp án mà mình cho là đúng. Trong phần này, bảng thống kê kết quả điều tra cho thấy đa số các câu hỏi có tỷ lệ sinh viên trả lời đúng đều dưới 50%. Nguyên nhân của thực trạng này hẳn không chỉ có một nhưng theo chúng tôi chủ yếu xuất phát từ chỗ các câu hỏi đặt ra trong phiếu điều tra đều đòi hỏi những nhận thức tương đối sâu sắc về tự nhiên và văn hóa Việt Nam. Trong khi đó những tri thức mà sinh viên được học lại tương đối đơn giản dẫn đến những khó khăn trong việc nhận biết đáp án đúng.

Trong phần thứ 2, tất cả sinh viên đều có câu trả lời cho từng câu hỏi cụ thể, tuy nhiên câu hỏi thu được nhiều phản hồi nhất từ phía sinh viên là câu hỏi về các phong tục và các tác phẩm văn học.

Tất nhiên kết quả điều tra trên chỉ phản ánh được phần nào thực tế bởi lẽ những người học được phỏng vấn trên đây không phải là đối tượng “người học lý tưởng” có thể hấp thu hoàn toàn những kiến thức đã được học. Hơn nữa, xung quanh nhận thức của một đối tượng cũng tồn tại những yếu tố liên quan khác, tuy nhiên những phân tích trên cũng cho thấy phần nào ý nghĩa.

Đơn cử ở Đại học Dân tộc Vân Nam và Đại học Sư phạm Vân Nam, các sinh viên sử dụng tài liệu học tập là cuốn giáo trình Tiếng Việt hiện đại (tài liệu số 3, phụ lục 1, 2) có tỷ

lệ nhận thức về các vấn đề của văn hóa Việt Nam cao hơn các cơ sở đào tạo khác. Điều này cho thấy sự liên quan giữa việc lựa chọn giáo trình với nhận thức của sinh viên. Đây là thách thức song cũng là cơ hội cho những cơ sở giáo dục tiếng Việt cho người nước ngoài tại Việt Nam, bởi lẽ trong năm học thứ 3, tất cả sinh viên Trung Quốc đều có khoảng thời gian sinh sống và học tập ở Việt Nam. Đây cũng chính là căn cứ để chúng tôi đưa ra những phân tích và đề xuất trong nội dung tiếp sau.

3. Dạy tiếng Việt như là dạy một văn hóa

Có thể thấy, mục tiêu chính của sáng kiến “Một vành đai, một con đường” bên cạnh việc liên kết và hội nhập là sự phổ biến sức mạnh mềm, trong đó có sức mạnh về kinh tế và kết nối để các nước khác trên thế giới xoay trục về phía Trung Quốc (...). Điều này được chỉ rõ trong nội dung của các văn kiện chính sách và được cụ thể hóa qua các hành động thực tiễn của quốc gia này.

Việt Nam là một quốc gia nhỏ bé nằm cạnh vị láng giềng to lớn, việc chịu ảnh hưởng của những chính sách, hành động này là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm sao để phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc nhằm tạo ra sức “đề kháng văn hóa” trước những tác động của thời cuộc. Đây là câu hỏi lớn và không thể tìm thấy câu trả lời từ một cá nhân, tuy vậy từ góc độ của một cá nhân nằm trong nhóm đối tượng được mời tham gia vào quá trình đào tạo nhân lực của tỉnh Vân Nam nói riêng, cũng là của chính phủ Trung Quốc nói chung, người viết xin đề xuất một vài suy nghĩ.

Trước hết, việc phân tích những nhận thức của sinh viên cho thấy giảng dạy tiếng Việt cho một đối tượng cụ thể là sinh viên, học viên Trung Quốc trong tình hình mới không thể đơn thuần chỉ là dạy một ngôn ngữ, một công cụ giao tiếp. Tầm quan trọng của công tác này nằm ở chỗ cần hiểu được nguyên nhân sâu xa, thấy rõ động cơ của việc số lượng người học tiếng Việt ngày càng tăng để hướng tới xây dựng mục tiêu “dạy tiếng Việt như là dạy một văn hóa”, đem đến cho người học những tri thức toàn diện về văn hóa Việt Nam, làm rõ tính độc lập của văn hóa Việt Nam bên cạnh những ảnh hưởng, giao thoa với văn hóa ngoại lai. Nói cách khác, trước đối tượng giáo dục cụ thể này, nội dung giảng dạy cần cụ thể và linh hoạt để các nội dung ấy khi đến với người học sẽ tạo nên một hình dung tương đối đầy đủ về một nền văn hóa phong phú và đặc biệt là có “sức đề kháng” tự thân. Để làm được như vậy cần có sự đầu tư cả về chất xám lẫn kinh phí để thực hiện những nghiên cứu phân tích kỹ lưỡng nhằm đề ra chiến lược cụ thể, chi tiết mà thời gian cũng như dung lượng của nghiên cứu này chưa thể đáp ứng. Trước mắt, khi những yêu cầu này còn chưa có điều kiện thực hiện, người viết xin đưa ra một vài giải pháp mang tính tạm thời được rút ra dựa trên những suy ngẫm quan sát cá nhân.

Đầu tiên, sự thiếu hụt tri thức nền về văn hóa Việt Nam đã phân tích trên đây cho thấy sự cần thiết phải bổ sung cho người học các khái niệm, các đơn vị tri thức cụ thể, tương ứng. Trong điều kiện sinh viên có 2 học kỳ học tập tại Việt Nam, các cơ sở đào tạo cần coi những tri thức mà sinh viên đã học là cơ sở để từ đó bổ sung và nâng cao một cách tối đa.

Chẳng hạn, trước khi sinh viên đến Việt Nam, các đơn vị tiếp nhận sinh viên cần có liên hệ với các trường ở Trung Quốc để biết sinh viên đã sử dụng giáo trình nào trong 2 năm học tập trước đó đồng thời căn cứ vào nội dung của giáo trình để đưa ra những bài kiểm tra tổng thể, cả về kiến thức lẫn kỹ năng của người học. Bước tiếp theo cần phân tích một cách kỹ lưỡng kết quả kiểm tra, đánh giá để đưa ra những nội dung giảng dạy cụ thể cho từng đối tượng người học. Điều này thực tế có thể áp dụng cho chương trình giáo dục 1 năm tại Việt Nam đối với sinh viên từng học tại mọi trường đại học ở Trung Quốc. Những sinh viên của các trường sử dụng bộ Giáo trình Tiếng Việt (tài liệu 1- phụ lục 1) được trang bị vốn tri thức về văn hóa Việt Nam thông qua giáo trình ít hơn cả. Tuy nhiên, ưu điểm của giáo trình này là cung cấp nhiều cấu trúc ngữ pháp cùng những ngữ cảnh sử dụng tương đối cụ thể. Đây là điều kiện thuận lợi để các trường đại học ở Việt Nam có thể nhanh chóng yêu cầu sinh viên tiếp xúc với những bài đọc giàu hàm lượng tri thức, tổ chức những hoạt động học tập mang tính chuyên sâu giúp họ nâng cao một cách hiệu quả vốn hiểu biết của mình. Bên cạnh đó, với những trường sử dụng bộ giáo trình Tiếng Việt cơ sở, các tri thức văn học đã được cung cấp tương đối rộng trong khi đó nhiều tri thức như địa lý, lịch sử, phong tục... lại chưa được chú trọng. Điều này cho phép các trường đại học tại Việt Nam xây dựng các nội dung giảng dạy trực tiếp bổ sung các tri thức này.

Cùng với việc cung cấp tri thức, một thao tác theo chúng tôi không kém phần quan trọng là quá trình dạy học cần chỉ ra tính độc đáo, riêng có của văn hóa Việt Nam. Điều này yêu cầu người dạy cần có sự am hiểu kỹ lưỡng về văn hóa của chính dân tộc mình cũng như tìm hiểu văn hóa của nước bạn để trong quá trình giảng dạy không chỉ đơn thuần cung cấp kiến thức mà còn phải thường xuyên so sánh, lý giải căn nguyên cả những tương đồng và khác biệt về văn hóa giữa hai quốc gia nhằm thuyết phục đối tượng người học.

Nói như vậy không có nghĩa là trách nhiệm giáo dục, bồi dưỡng tri thức và kỹ năng cho đối tượng người học này hoàn toàn phó thác cho các cơ sở đào tạo trong nước. Trên thực tế, trong những năm gần đây chính phủ Trung Quốc đều dành một khoản ngân sách cho việc mời các chuyên gia ngôn ngữ từ các quốc gia có thứ ngôn ngữ được giảng dạy đến trực tiếp tham gia đào tạo. Mục tiêu của họ là tranh thủ chất xám từ nhiều nguồn để đào tạo nguồn lực của quốc gia. Tuy nhiên, người dạy được mời đứng lớp cũng như tham gia các công tác đào tạo khác với tư cách là chuyên gia ngôn ngữ, một khi hiểu rõ mục tiêu này cũng cần xây dựng những đối sách phù hợp nhằm ứng phó một cách linh hoạt với yêu cầu mà bối cảnh đặt ra. Bản thân người viết đã tham gia giảng dạy trực tiếp ở trường Đại học Vân Nam trong năm học 2017 - 2018 và tiếp tục giảng dạy tại trường Đại học Dân tộc Vân Nam trong năm học 2018 - 2019 luôn ý thức rõ nhiệm vụ quan trọng này. Mỗi năm học, với việc đảm nhận vai trò đứng lớp cho cả sinh viên năm thứ nhất, thứ 2 và thứ 4; tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp; tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn cho sinh viên đi tham gia các cuộc thi nói tiếng Việt được tổ chức hằng năm trên quy mô toàn quốc, chúng tôi luôn đặt ra những tiêu chí làm việc cụ thể.

Trong công tác giảng dạy, trước hết chúng tôi lựa chọn sử dụng các giáo trình trong nước. Đặc biệt gần đây, hai bộ giáo trình dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài là Tiếng

Việt Vui và Quê Việt ra đời đã cung cấp cho chúng tôi những gợi ý quý báu cho quá trình dạy học. Cụ thể, nội dung của các giáo trình này được bố trí theo chủ đề với mức độ tích hợp cao, hàm chứa nhiều tri thức về văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam, khá thích hợp cho việc giảng dạy sinh viên năm thứ nhất và thứ hai. Tuy vậy, hai bộ giáo trình này cũng có nhược điểm là phần bài đọc khá đơn giản và nội dung nghe được thu âm bằng tiếng Nam Bộ, không phù hợp với yêu cầu dạy học tại Văn Nam, vì thế ngoài việc sử dụng các giáo trình này, chúng tôi vẫn sử dụng kết hợp các tài liệu dạy học khác, bao gồm cả tài liệu của Trung Quốc. Với mỗi nội dung bài học chúng tôi đều tiến hành phân tích kỹ lưỡng, tìm ra hạt nhân văn hóa quan trọng nhất để từ đó trong quá trình giảng dạy có thao tác cung cấp thêm từ mới cùng những bối cảnh văn hóa khác nhau để người học không những nắm được nội dung mà còn biết vận dụng một cách phù hợp những tri thức đã học. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn ý thức tiến hành so sánh cụ thể giữa những đơn vị nhỏ trong văn hóa Việt và văn hóa Hán nhằm hướng người học tới sự nhìn nhận về những khác biệt văn hóa cơ bản giữa hai quốc gia, cải chính quan niệm khá phổ biến tồn tại ở nhiều tầng lớp, nhiều đối tượng là văn hóa Việt Nam chỉ là sự mô phỏng nền văn hóa của quốc gia họ.

Trong công tác hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và làm luận văn tốt nghiệp, hầu hết các đề tài nghiên cứu mà chúng tôi định hướng cho sinh viên đều là những vấn đề mang tính chất so sánh hoặc những nghiên cứu tương đối chuyên sâu về một hiện tượng văn hóa của Việt Nam. Trong năm học 2017 - 2018, có ba luận văn tốt nghiệp của sinh viên trường Đại học Văn Nam được đánh giá xuất sắc là “Tục ăn trà trong văn hóa của người Việt Nam và người Trung Quốc”; “Nỗi cô đơn trong thơ Lý Thanh Chiếu và thơ Hồ Xuân Hương”; “ So sánh tipe truyện Tấm Cám trong truyện cổ tích dân tộc Di ở Trung Quốc và truyện cổ tích người Việt”. Trong những nghiên cứu cụ thể này, sinh viên không chỉ cần có vốn từ vựng phong phú và khả năng sử dụng tốt ngữ pháp tiếng Việt mà còn cần có khả năng đọc nhiều tài liệu tiếng Việt liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Sau cùng, mỗi nghiên cứu đều đi đến lý giải những tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng nhằm đi đến nhận thức những đặc trưng riêng trong văn hóa của từng dân tộc.

THAY LỜI KẾT

Trên đây chỉ là những phân tích, đánh giá sơ bộ của người viết về công tác giảng dạy tiếng Việt trên địa bàn tỉnh Văn Nam cùng những đề xuất ban đầu về phương hướng dạy học cho đối tượng cụ thể là sinh viên Trung Quốc học chuyên ngành tiếng Việt trong bối cảnh Trung Quốc đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược quốc gia “Một vành đai, một con đường”. Xuất phát từ góc nhìn và kinh nghiệm giảng dạy hạn chế của một cá nhân, những phân tích nói trên có thể bộc lộ nhiều phiến diện song điều mà chúng tôi hướng tới là kêu gọi những suy nghĩ về việc xây dựng, củng cố “sức đề kháng” của văn hóa Việt Nam, cũng là phục vụ tốt hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong tình hình mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 和颖, 张晓霞, 云南融入“一带一路”建设研究(*Vân Nam với xây dựng “Một vành đai một con đường”*), 基金项目:昆明理工大学“唯物史觀理论研究”创新团队, 2016年1月
2. 周谷平, 闡閱.“一带一路”战略的人才支撑与教育路径教育研究 (“*Trụ cột nhân tài và lộ trình giáo dục của chiến lược “Một vành đai một con đường”*”) , 2015(10)
3. 越南语教程 (1234册) (*Giáo Trình Tiếng Việt*), 大学出版社"北京大学出版社2005/1/1
4. 基础越南语 (1234册) (*Tiếng Việt cơ sở*) 2013/6/1
5. 现代越南语 (1234册) *TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI*, 2011/9/1
6. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), *Tiếng Việt Vui*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2016
7. Mai Ngọc Chừ (chủ biên), *Quê Việt*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2016